

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD22B3LX**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253403023041	Trần Thái Nguyệt Anh	22/12/2006	8	8.0 7.0 8.0 8.0	7.2		7.4
2	2253403023042	Trần Thị Mỹ Châu	24/04/2007	0	0.0 9.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.8
3	2253403023045	Phạm Lê Giang	29/09/2007	0	8.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.7
4	2253403023046	Lê Huỳnh Bảo Hân	01/10/2007	9	8.5 10.0 10.0 9.0	7.6		8.3
5	2253403023048	Nguyễn Thị Thùy Lam	21/07/2007	8	9.0 9.5 10.0 9.0	8.8		9.0
6	2253403023049	Trần Thanh Nam	09/07/2007	0	0.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.0
7	2253403023050	Lê Thị Kim Ngân	17/12/2007	7	7.0 0.0 5.0 7.0	8.2		6.9
8	2253403023053	Phan Thị Huỳnh Như	11/12/2007	8	8.0 9.0 9.0 9.0	7.6		8.0
9	2253403023055	Nguyễn Thị Ngọc Sang	03/10/2007	10	8.0 8.5 10.0 9.0	8.8		8.9
10	2253403023056	Trần Thị Thu Thảo	14/05/2007	0	7.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.6
11	2253403023059	Ngô Kim Vân	19/05/2007	0	6.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.5
12	2253403023060	Nguyễn Ngọc Tường Vy	05/05/2007	3	6.5 9.0 0.0 0.0	0.0	0.0	1.5
13	2253403023061	Nguyễn Thị Ý	31/08/2006	7	8.0 8.5 9.0 7.0	5.8		6.7
14	2253403023062	Nguyễn Thị Kim Yển	19/04/2007	8	8.0 9.5 9.5 7.5	7.6		8.0
15	2253403023063	Huỳnh Sắc Như	13/12/2006	0	0.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 16 tháng 8 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đỗ Thị Hải Nhi